

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 103****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi một, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai.

“*Đẳng Giác hữu nhị nghĩa*” (Đẳng Giác có hai nghĩa), thứ nhất, “*Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị, tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ, công đức, đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác*” (Đẳng Giác là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát, sắp đắc Phật quả Diệu Giác. Trí huệ và công đức của vị này gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Đây là ý nghĩa thứ nhất trong hai ý nghĩa của danh từ Đẳng Giác. Theo kinh Đại Thừa, Bồ Tát có năm mươi một địa vị, nhìn từ dưới lên sẽ là Thập Tín vị Bồ Tát, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đó là năm mươi địa vị, cao hơn Thập Địa là Đẳng Giác. Địa vị cao nhất được gọi là Diệu Giác, Diệu Giác chỉ có một địa vị, đã chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, là Phật; từ Đẳng Giác trở xuống đều gọi là Bồ Tát. Vì thế, trong các địa vị Bồ Tát, địa vị thứ năm mươi một (Đẳng Giác) là cao nhất, là địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát. Sắp đạt được Diệu Giác Phật quả, nếu Ngài tiến cao hơn một bậc nữa sẽ là quả vị Diệu Giác. Trên thực tế, trí huệ và công đức của Ngài cũng chẳng khác địa vị Diệu Giác cho mấy, bằng với Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác. Đàm Loan đại sư nói: “*Vọng ư Diệu Giác do hữu nhất đẳng*” (xét ra, còn kém Diệu Giác một bậc); so với Diệu Giác, Ngài kém hơn một cấp. “*Tỷ hạ danh Giác*” (So với những địa vị thấp hơn thì gọi là Giác). “*Hạ*” là từ Thập Địa trở xuống, tức năm mươi địa vị từ Thập Địa trở xuống, so với họ, Ngài (Diệu Giác Bồ Tát) giác ngộ cao minh hơn họ rất nhiều, gần như đạt đến viên mãn; vì thế, gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa thứ hai: “*Đẳng Giác là Phật quả*”. Như vậy là Đẳng Giác có hai ý nghĩa như thế.

“*Vãng Sanh Luận Chú viết: Dĩ chư pháp đẳng, cố chư Như Lai đẳng. Thị cố chư Phật Như Lai, danh vi Đẳng Giác*” (Sách Vãng Sanh Luận Chú giảng: “Do các pháp bình đẳng, nên chư Như Lai bình đẳng. Vì thế, chư Phật Như Lai được gọi là Đẳng Giác”). Ý nghĩa này cũng rất hay, đây là luận theo phía hết thảy chư Phật. Do các pháp bình đẳng, trong kinh Bát Nhã, đức Phật thường nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao, thấp*”, nên trí huệ, thần thông, và đạo lực của hết thảy Như Lai đều bình đẳng. Do vậy, chư Phật Như Lai đều được gọi là Đẳng Giác. Ý nghĩa này cũng hay, chúng ta nhìn theo ý nghĩa này thì như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm đều có thể gọi là Đẳng Giác. Vì sao? Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, mỗi người đều “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã phá vô minh” như trong Thiên Tông đã nói. “*Đã phá vô minh*” tức là nói trong bất luận cảnh giới nào, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng còn, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, lẽ nào bất bình đẳng cho được? Khởi tâm động niệm là bất bình đẳng. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên là bình đẳng. Do vậy, cảnh giới ấy thật sự là thế giới bình đẳng, có sao đức Phật lại nói có bốn mươi một tầng cấp? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập

Địa, Đẳng Giác là bốn mươi một tầng cấp. Bốn mươi một tầng cấp ấy trong lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm đã có học, chẳng thể nói là chúng có, nhưng cũng chẳng thể nói là chúng không có. Vì sao chẳng thể nói chúng là có? Các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chia ra tầng cấp bằng cách nào? Chia thành tầng cấp, nhất định là do khởi tâm động niệm, nhất định có phân biệt; nói không có chấp trước thì còn được, chứ chắc chắn là có phân biệt, không có phân biệt thì làm sao có tầng cấp cho được? Do vậy, chẳng thể nói là “chúng có”. Chẳng thể nói “chúng không có” là do lẽ nào? Tuy chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng vô minh đã phá, đức Phật bảo chúng ta: Các vị Bồ Tát ấy còn có tập khí vô minh, chưa đoạn tập khí. Đã là tập khí chưa đoạn, chắc chắn tập khí có đây hay mỏng khác biệt. Có người tập khí rất nặng, có kẻ tập khí rất mỏng. Do vậy, chúng ta hiểu rõ, nói theo phương diện còn mang theo tập khí chưa đoạn, sẽ có bốn mươi một tầng cấp, nói theo phương diện này.

Bốn mươi một tầng cấp ấy tự hành hóa tha có bị chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại tí nào! Nhưng bốn mươi một phẩm tập khí vô minh ấy chẳng có cách nào đoạn được. Chư vị hãy nghĩ xem, nếu chúng ta muốn có một phương pháp để đoạn, tức là lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước mất rồi! Do vậy, trong tình cảnh ấy, các kinh cũng nói, cổ đại đức cũng nói là “*vô công dụng đạo*”, tức là nói ở đây chẳng thể sử dụng sức [hòng đoạn trừ tập khí vô minh] được! Chẳng thể khởi tâm động niệm thì quý vị dùng sức như thế nào đây? Phải làm sao đối với những tập khí vô minh ấy? Không quan tâm đến, để mặc chúng, qua một thời gian lâu dài, chúng sẽ tự nhiên đoạn mất, nhất định phải cậy vào thời gian. Thời gian bao lâu? Kinh nói “ba đại A-tăng-kỳ kiếp”, cần phải mất một thời gian dài như thế thì tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa. Hoàn toàn chẳng còn nữa mới là địa vị Diệu Giác. Do vậy, bốn mươi một tầng cấp đều có thể gọi là địa vị Đẳng Giác, các Ngài chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa và trong Thiên Tông đều nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đối với kinh Kim Cang, cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang đã bảo: Hễ kinh Kim Cang nói tới “*chư Phật Như Lai*” thì chữ “*chư Phật*” chỉ bốn mươi một địa vị [Bồ Tát] này, [các vị Bồ Tát chứng đắc những địa vị ấy] đều được gọi là chư Phật, từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác, đều gọi là “*chư Phật*”, Phật nhiều ngàn ấy. Bởi lẽ đó, hai ý nghĩa của Đẳng Giác đều tồn tại.

Kẻ đó, [sách Chú Giải] viết: “*Hựu Trí Độ Luận viết: Chư Phật đẳng, có danh vị Đẳng Giác*” (Lại nữa, Trí Độ Luận giảng: “Do chư Phật bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác”). Có thể giải thích từ ngữ “*chư Phật*” này là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, pháp do các Ngài đã đắc là pháp bình đẳng, nên gọi là Đẳng Giác. Sách Hội Sớ cũng nói: “*Đẳng Giác hữu nhị nghĩa*” (Đẳng Giác có hai ý nghĩa), có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là “*Như Lai danh Đẳng Giác*” (Như Lai gọi là Đẳng Giác). Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều được gọi là Như Lai, đều là Như Lai, nên xưng là Đẳng Giác.

- Ý nghĩa thứ hai, “*Nhất Sanh Bồ Xứ vị*” (thuộc địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ). Đó là Hậu Bồ Phật. Như Di Lặc Bồ Tát, nay đang ở trong Đâu Suất nội viện, trong tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật độ chúng sanh. Ngài đang trụ tại Đâu Suất nội viện, chúng ta gọi Ngài là Bồ Xứ Bồ Tát, Ngài cũng là Đẳng Giác Bồ Tát.

“*U thị chủ kinh gia u thử kinh văn, diệc hữu lưỡng thuyết, nhất vị, thị trụ Đẳng Giác vị Bồ Tát, u thập phương thị hiện bát tướng thành đạo*” (Do vậy, đối với đoạn kinh văn này, các nhà chú giải kinh cũng có hai thuyết. Một thuyết là Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác thị hiện tám tướng thành đạo trong mười phương). Đó là một cách giảng. Cách giảng khác là: “*Thử nãi quả Phật, tùng quả hương nhân, thị hiện bát tướng, nãi thành Phật hậu chi lực dụng*” (Đó chính là quả Phật (vị Phật đã chứng quả Diệu Giác), từ quả hương đến nhân, thị hiện tám tướng. Đây là lực dụng sau khi đã thành Phật). Cách nói này khác hẳn thuyết trước. Bồ Tát đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, đã thành Phật; tuy thành Phật, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng. Khi Ngài ứng bèn gọi là “*đạo giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ), vì chúng sanh thị hiện tám tướng thành đạo, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm gương cho chúng ta trong thế gian này. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật. Trong hội Phạm Võng, đức Phật cho biết Ngài thị hiện thành Phật, hiện tám tướng thành đạo trên thế giới lần này là lần thứ tám ngàn. Chúng ta bèn biết Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lần này Ngài đến biểu diễn, thị hiện, mang ý nghĩa này: “*Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị*” (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn). Đối với chuyện thị hiện tám tướng thành đạo, qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ Tát có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Sơ Trụ Bồ Tát quả thật đã phá vô minh, chứng đắc Pháp Thân. [Tam đức bí tạng] Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát thầy đều chứng đắc, lại còn chứng đắc viên mãn. Sơ Trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, huống hồ những địa vị cao hơn như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, lẽ nào chẳng thể thị hiện? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy*”.

Chư Phật Như Lai đến hiện thân giáo hóa trong thế gian, không do ý nghĩ của chính các Ngài, mà do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, nghĩ đến Phật, niệm Phật, tin tức ấy truyền đi, Phật, Bồ Tát lập tức tiếp nhận, do nhận được, các Ngài bèn đến. Thế nhưng, sự “cảm” ấy vẫn phải có duyên, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật chẳng độ chúng sanh vô duyên*”, Phật độ chúng sanh nhất định phải có duyên. Mỗi cá nhân chúng ta ở trên thế gian này, từ nhỏ đến lớn đã kết duyên với người thế gian và hết thầy chúng sanh vô cùng rộng rãi. Trong ấy, có thiện duyên lẫn ác duyên, mà cũng có duyên chẳng thiện chẳng ác. Khi kết duyên, bất luận hữu tâm hay vô tâm, hữu ý hay vô ý đều như nhau, duyên ấy đều đã kết. Kết duyên càng nhiều, trong tương lai quý vị thành Phật, thành Bồ Tát, trở về tự tánh, những tin tức quý vị nhận được đều từ chúng sanh hữu duyên. Đã có duyên từ đời quá khứ, nên họ mới có thể tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nếu chẳng có duyên, quý vị thị hiện trước mặt họ, họ chẳng tin tưởng, chẳng buồn quan tâm đến! Vậy thì có gì quý vị phải đến? Sẽ không thể đến được! Do vậy, hễ đến thì nhất định phải nhằm tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên, đạo lý ở chỗ này. Bởi đó, trước khi chúng ta thành Phật, cũng là trước khi đại triệt đại ngộ, phải biết rộng kết pháp duyên với hết thầy chúng sanh, đó là điều tốt đẹp. Bởi lẽ, trong thiện duyên và ác duyên đều có tình chấp, quả báo rất phiền phức, dây dưa chẳng rạch rời. Pháp duyên mới tốt, pháp duyên là gì? Khuyến mọi người niệm Phật, khuyến mọi người học Phật, điều ấy tốt đẹp!

Phật pháp được hết thầy chúng sanh trong tam giới gọi là Bảo (quý báu), gọi là Tam Bảo. Tác dụng của Bảo là có thể giúp chúng ta giải quyết hết thầy khổ nạn. Khi cuộc sống chúng ta gặp khó khăn, nếu có được vật báu, sẽ có thể giải quyết vấn đề, điều

này so với bảy báu trên phương diện vật chất còn thù thắng hơn! Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Dĩ đại thiên thế giới thất bảo bố thí*” (dùng bảy báu khắp cả đại thiên thế giới để bố thí), tuyệt quá, ai có thể làm được? Có lẽ chỉ có Ma Hê Thủ La thiên vương mới có thể làm được, Đại Phạm Thiên Vương vẫn chưa làm được, lấy đâu ra những món trân bảo ấy? Trân bảo bố thí nhiều ngàn ấy vẫn chẳng bằng người nói bốn câu kệ, [bốn câu kệ] là Pháp Bảo. Vì sao? Vì kẻ khác nói bốn câu kệ, kẻ ấy có thể khai ngộ, còn quý vị bố thí bảy báu đầy khắp đại thiên thế giới, kẻ ấy có được sẽ rất hoan hỷ, cảm kích quý vị, nhưng chẳng khai ngộ! Do vậy, chúng ta hiểu thứ gì là trân bảo thật sự? Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ thì mới là trân bảo. Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Kinh điển, kinh giáo, pháp môn, phương pháp, và đường lối được nói trong Phật pháp, những thứ ấy hữu dụng. Quý vị có được những thứ ấy, tài bảo thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng thiếu thôn, quý vị biết làm như thế nào mới đạt được? Kiến tánh thì chẳng cần phải nói nữa! Kiến tánh thì thứ gì cũng đều trọn đủ, vì sao? Trong tự tánh chẳng có khiếm khuyết, thứ gì cũng đều trọn đủ. Chưa kiến tánh, trí huệ và đức tướng trong tự tánh chẳng hiện tiền, chúng ta sống bằng cách nào? Cuộc sống cật vào những công việc vật vãnh, kiếm một chút tiền để sống qua ngày, tình hình là như vậy đó. Trong tự tánh, gần như là trong nhà tiền tài cả vạn quan, nhưng khi quý vị rời nhà chẳng cầm theo được. Quý vị lữ hành bên ngoài, hứng chịu các nỗi khổ nạn, chẳng thể không đi làm, chẳng làm việc thì cái ăn sẽ trở thành vấn đề. Chúng ta mê mất tự tánh, làm công vật vãnh trong lục đạo hay trong mười pháp giới. Đã kiến tánh thì kiến tánh sẽ chẳng ở trong mười pháp giới, tối thiểu là quý vị ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đắc đại tự tại.

Quay lại tình cảnh hiện tiền của chúng ta, đức Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta cần phải biết: Ở trong mười pháp giới thì phải nói đến nhân quả, chẳng rời khỏi nhân quả; lục đạo càng là như thế. Trong lục đạo, chúng ta mong có được của cải thì phải tu hành, cách tu như thế nào? Tài bố thí. Phải có tâm, nguyện hoan hỷ tu tài bố thí. Khi thấy người khác gặp khó khăn, chúng ta hãy nên toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Quả báo hiện tiền rất nhanh chóng, lại còn như thế nào? Càng thí càng nhiều. Chúng ta thấy người phát tài to lớn trong thế gian có ức vạn của cải, đó là người như thế nào? Trong đời quá khứ đã tu tài bố thí rất nhiều, nên cảm được quả báo [giàu có] trong đời này. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng hăm mộ kẻ ấy, mà dùng cái tâm bình thường để nhìn kẻ đó. Chúng ta mong muốn thì chẳng khó, từ bây giờ hãy bắt đầu nỗ lực tu tài bố thí, quả báo trong tương lai sẽ chẳng kém người ấy, mà còn có thể vượt hơn kẻ ấy. Đây là thâm thập của cải chánh đáng, chẳng dùng những phương pháp bất thiện, tổn người, lợi mình! Của cải có được như vậy vẫn là do trong mạng quý vị đã có. Trong mạng quý vị không có, dùng bất cứ chủ ý xấu xa nào cũng đều chẳng thể đoạt được! Quý vị cảm sung để cướp đoạt kẻ khác thì cướp được vẫn là do trong mạng đã có, quý vị nói xem: Có oan uổng hay là không? Trong mạng quý vị chẳng có, quý vị còn chưa cướp được, đã bị cảnh sát thộp cổ! Do vậy, trong mạng đã có thì cần gì phải cướp đoạt, cần gì phải trộm cắp? Dùng những thủ đoạn phi pháp như vậy khiến cho của cải sẵn có trong mạng của chính mình bị giảm bớt, hao hụt. Trong mạng quý vị vốn có một trăm ức, nay quý vị được năm mươi ức đã cảm thấy ghé góm lắm rồi! Quý vị chẳng biết: Dùng thủ đoạn phi pháp, tạo tác tội nghiệp [khiến của cải sẵn có trong mạng] bị hụt bớt một nửa, quý vị nói xem có oan uổng hay chẳng? Do vậy, thánh nhân luôn dạy chúng ta, tiền tài bất nghĩa quyết định chớ nên lấy, hề lấy là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có đạo lý, có phương pháp. Thông minh, trí huệ là quả báo, pháp bố

thí là nhân. Quý vị tu pháp bố thí sẽ được thông minh, trí huệ. Quý vị tu vô úy bố thí, sẽ được khỏe mạnh, sống lâu. Người thế gian chúng ta có ai chẳng muốn ba điều ấy? Chúng ta muốn có của cải, muốn thông minh, trí huệ, muốn khỏe mạnh, sống lâu, thấy đều có thể đạt được! “*Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng*”. Thật vậy! Chẳng giả tí nào!

Nhưng đối với tài, quý vị phải hiểu, chính mình sống rất đơn giản, rất dễ dàng thỏa mãn, mong có nhiều [tiền của] như thế để làm gì? Nhưng do chúng ta phải giúp đỡ nhiều chúng sanh khổ nạn trên thế giới này, cho nên [của cải trở thành] cần thiết. Sử dụng chánh đáng, sử dụng theo phương cách thuần tịnh, thuần thiện, Tam Bảo gia trì, cũng là “có cầu ắt ứng”. Chân tâm, chẳng có chút tư tâm nào. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện trong thế gian này, tổ sư đại đức kiến lập đạo tràng để đại chúng được an trụ, khiến cho đại chúng có hoàn cảnh tu học rất tốt đẹp, cuộc sống được bảo đảm, hoàn cảnh cư trụ tốt đẹp, có thầy hay, bạn tốt. Thế giới Cự Lạc là một gương tốt, thế giới Hoa Tạng là gương tốt, điều ấy chẳng cần phải nói nữa. Đó là [những thế giới] do Tánh Đức lưu lộ, nhưng trong thế gian này, chúng ta chẳng nhờ vào Tánh Đức, mà hoàn toàn cậy vào Tu Đức. Tu Đức có thể cảm động những bậc thiện nhân khác nhau, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều tự động dâng hiến, thành tựu sự nghiệp ấy. Thuở đức Phật tại thế, quý vị thấy các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ nhiệt tâm phụng hiến, thành tựu sự nghiệp giáo hóa của Phật Đà, qua kinh điển chúng ta đã thấy [điều ấy]. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, hộ pháp thuở đầu tiên là đế vương. Thời Hán Minh Đế (28-75), vua phái đặc sứ sang Tây Vực cầu Phật pháp, gặp cao tăng Ấn Độ đang hoàng pháp nơi ấy là Ma Đằng (Kasyapa Matanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaratna). Những vị đặc sứ ấy đã hướng đến hai vị đại đức đó thưa rõ, thuở đó nhằm đời Hán, [họ thưa rõ] lòng thành cầu Phật của hoàng đế, cầu thỉnh hai vị đến Trung Quốc. Hai người ấy đến [Trung Hoa], mang theo tượng Phật, kinh sách. Lúc đó là năm 67 Công Nguyên, hiện thời năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên nhằm năm Vĩnh Bình thứ mười, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Quốc, do đế vương Trung Quốc lễ thỉnh. Hai vị pháp sư tới Trung Quốc, Hán Minh Đế bái các Ngài làm thầy, họ mang thân phận quốc sư. Vua kiến lập đạo tràng cho họ, tức chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thuở ấy, kinh đô là Lạc Dương<sup>1</sup>. Ngôi chùa đầu tiên là Bạch Mã Tự<sup>2</sup>, nhằm kỷ niệm ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó. Chẳng có công lao thì cũng có công khó! Lòng người Hoa có hậu, do mây thốt ngựa ấy chở kinh sách, tượng Phật đến Trung Quốc, nên chẳng thể quên, đặt tên cho ngôi chùa ấy là Bạch Mã nhằm báo ân. Phật giáo truyền đến Trung Quốc như vậy.

---

1 Cố đô Lạc Dương nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Do nằm ở phía Bắc sông Lạc Thủy (Lạc Hà) nên gọi là Lạc Dương (theo cách gọi của người Hoa thời cổ, phía Bắc sông nước gọi là Dương, phía Nam gọi là Âm). Thành phố này còn các tên cổ là Lạc Ấp, Kinh Lạc, Lạc Thành, Đông Đô, Thần Đô, Thành Châu. Theo truyền thuyết, Lạc Dương đã có từ thời nhà Hạ.

2 Chùa Bạch Mã hiện thời vẫn còn, nằm cách thành cổ Lạc Dương mười hai cây số, phía Bắc dựa vào núi Mang Sơn, nhìn ra dòng Lạc Hà. Chùa được kiến tạo vào năm Vĩnh Bình 11 (68) đời Hán Minh Đế. Theo Hậu Hán Thư, vua kiến tạo ngôi chùa này theo kiểu Thiên Trúc để hai vị pháp sư trụ tích và dịch kinh. Do thoát đầu, hai vị ở tạm tại Hồng Lô Tự (cơ quan lo việc nghi lễ trong triều đình), nên khi chùa được xây xong, dùng ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó, nên khi chùa được xây xong, dùng ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó, nên khi chùa được xây xong, dùng ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó, nên khi chùa được xây xong, dùng ngựa trắng chở kinh sách, tượng Phật, đã có công khó.

Quý vị thấy về sau, để vương tu phước, biết chúng ta nếu muốn tu đại phước báo thì tu ở chỗ nào? Đều là đến tu trong Phật môn, phước báo trong Phật môn chẳng ai có thể sánh bằng! Hoàng thượng biết tu phước, bình dân cũng đều học theo, học bổ thí Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo. Quốc gia ấy, vùng đất ấy, đời đời kiếp kiếp có phước báo. Hai ngàn năm qua, quốc gia ổn định, bền vững, chẳng có tai họa. Mọi người đều biết tu phước, người sống trong vùng ấy có phước, lấy đâu ra tai nạn? Đương nhiên là chẳng có tai nạn. Nếu khu vực ấy chẳng có người biết tu phước, đều tạo tội nghiệp, như vậy thì sẽ phiền phức, tai nạn sẽ nhiều, chúng ta phải liễu giải đạo lý và chân tướng sự thật này. Phật pháp nói phước báo bậc nhất là gì? Là giác ngộ hết thấy chúng sanh, phước báo ấy to lớn. Phật là đại giác, Phật pháp là giáo dục, là giáo học, hoạt động thường xuyên trong tự viện là giảng học. Vào thời cổ là phiên dịch kinh điển. Sau khi kinh điển được dịch ra bèn giảng giải, giảng học. Sau khi người ta hiểu rõ ràng, những đạo lý và giáo huấn trong kinh điển thấy đều được thi hành, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, sẽ biến thành người có đại phước đức thật sự. Trở thành người đại phước đức và đại trí huệ là như vậy đó.

Nay chúng ta học Phật là học gì? Chúng ta hy vọng đạt được lúc gì? Gắn gũi, nông cạn là thân tâm khỏe mạnh, đầu tiên là đạt được điều này. Gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình, đạt được những điều ấy, đó là nhu cầu cấp bách của người thế gian chúng ta. Hiện thời, xã hội động loạn, lắm tai nạn ngàn ấy, do nguyên nhân gì? Chúng ta coi thường, bỏ sót sự giáo dục của thánh hiền và tôn giáo, mọi người chẳng học nữa, quan điểm giá trị bị lật ngược. Tại Trung Quốc, trong quá khứ, quan điểm giá trị của cổ thánh tiên hiền trong mấy ngàn năm qua đã sử dụng những gì? Nhân nghĩa, nhân (仁) là yêu thương con người, nghĩa (義) là tuân theo lý. “Nghĩa” (義) là gì? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, thuận theo tình người, hợp với đạo lý, tuân phục pháp luật của quốc gia, tình, lý, pháp thấy đều được quan tâm! Do đó, quốc gia bền vững dài lâu, thế giới chung sống hài hòa. Văn hóa truyền thống Trung Quốc là Nho, Thích, Đạo ba nhà. Thế giới hiện thời động loạn, quan điểm giá trị thay đổi, chẳng dùng nhân nghĩa, mà dùng gì? Dùng của cải, chuyện này phiền phức lắm. Của cải thì người ta ắt tranh giành. Nếu lấy của cải để làm chuẩn mực giá trị thì người với người chắc chắn sẽ tranh đấu, tranh đoạt của cải, khởi tâm động niệm tôn người, lợi mình, xã hội lẽ nào chẳng loạn? Thế giới này làm sao có thể tránh khỏi tai loạn cho được? Tổ tiên có trí huệ, người xưa chẳng hồ đồ, họ hiểu rõ ràng, minh bạch, dạy chúng ta chánh xác. Vì thế, tổ tông chẳng hề xử tệ với thế hệ con cháu, nhưng ngày nay, chúng ta là hậu duệ lại có lỗi với tổ tiên. Coi như chúng ta rất may mắn, rất khó có, vào tuổi trung niên được gặp gỡ Phật pháp. Sau khi gặp Phật pháp mới là người thông hiểu. Trước kia, trót làm rất nhiều chuyện hồ đồ, nay đã hiểu rõ ràng, minh bạch, đoạn ác, tu thiện. Trong đoạn kinh văn này, đức Thế Tôn đã nói đến tám tướng thành đạo, chúng ta phải học tập.

Trong phần trước đoạn kinh văn này nhằm giải thích chữ Đẳng Giác. Ở đây, cụ Niệm Tổ đã tổng kết: “*Tổng chi, đại giác diệu dụng, bất khả tư nghị, tự bất tất u thử nhị giả cưỡng chấp nhất thuyết, bất phương tịnh tồn*” (Nói chung, diệu dụng của đại giác chẳng thể nghĩ bàn. Có lẽ đối với hai cách nói này, chẳng cần phải khiên cưỡng chấp lấy một thuyết, mà chấp nhận cả hai thuyết đều chẳng trở ngại). Mỗi cách giảng đều hay, đều hợp lý, ở đây, chúng ta chẳng cần phải phân biệt, chấp trước. “*Cái nhân Bồ Tát chúng đả, cảnh giới bất nhất*” (do các vị Bồ Tát đồng đạo, cảnh giới chẳng đồng nhất), đây là chân

tương sự thật, do hết thấy chúng sanh căn tánh không giống nhau, nên cảnh giới rất phức tạp. Vì thế, Bồ Tát diệu dụng không ngăn mé, các Ngài có trí huệ chân thật, có phương tiện thiện xảo.

Tiếp theo đây, bắt đầu [đi vào chi tiết] của việc thị hiện tám tướng, chúng ta phải nên biết học tập như thế nào. Kinh văn gồm bốn câu “*xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo*” (bỏ Đâu Suất, giáng sanh trong vương cung, bỏ ngôi, xuất gia, khổ hạnh học đạo), và đoạn [chú giải] kinh văn kể đó: “*Biểu bát tướng thành đạo, đản kỳ vị bất nhất, phàm hữu ngũ đẳng. Chân Giải viết: Như Hoa Nghiêm Hiền Thủ phẩm cập Khởi Tín Luận, ư Thập Tín mãn vị, thị hiện bát tướng. Chiêm Sát kinh thuyết tứ chủng tác Phật trung, đệ nhất tín mãn tác Phật đương chi*” (Biểu thị tám tướng thành đạo, nhưng địa vị [của vị thị hiện tám tướng thành đạo, xét theo các kinh luận sẽ] khác nhau, gồm có năm loại. Sách Chân Giải nói: “Theo phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín, viên mãn địa vị Thập Tín bèn thị hiện tám tướng”. Kinh Chiêm Sát nói trong bốn loại làm Phật, loại thứ nhất là tín mãn sẽ làm Phật). Quý vị thấy thị hiện tám tướng thành đạo thì hạng người nào có năng lực ấy? Người viên mãn địa vị Thập Tín bèn có thể thị hiện. Trong Phật pháp, viên mãn địa vị Thập Tín được gọi là tốt nghiệp Tiểu Học. Thập Tín là Tiểu Học trong Phật giáo, [người thị hiện tám tướng] đã tốt nghiệp [Tiểu Học trong Phật giáo]. Tuy là Tiểu Học, chúng ta thấy họ rất lỗi lạc, vì sao? Họ đã vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta thấy những vị Bồ Tát ấy tu hành liền biết, địa vị Sơ Tín, tức là địa vị Sơ Tín trong kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước tôi đã thưa trình cùng quý vị, công phu tu hành trong Phật pháp là buông xuống, chẳng có gì khác. Vị ấy (Sơ Tín Bồ Tát) đã buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoạch, Kiến (見) là kiến giải, chúng ta gọi nó là “cách nhìn”. Buông xuống hết thấy cách nhìn sai lầm, bèn chứng địa vị Sơ Tín, tức là lớp Một. Trong Tiểu Thừa, [địa vị ấy] là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đều như nhau, buông cách nhìn sai lầm xuống. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật quy nạp chúng lại, quy nạp thành năm loại lớn:

- Thứ nhất là Thân Kiến. Chúng ta luôn chấp trước cái thân là Ngã, đức Phật dạy: Thân chúng ta không phải là Ngã. Không phải là Ngã thì là gì? Là ngã sở (cái của ta), tức là cái mà ta sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là ta, mà là cái ta có. Phải ghi nhớ, thân thể không phải là Ngã, mà là cái ta có. Phải coi thân thể như quần áo, vì thân có sanh diệt, Ngã không có sanh diệt. Hãy ghi nhớ, Ngã không có sanh tử, sanh tử là gì? Thân thể. Thân thể có sanh tử, Ngã không có sanh tử. Thân thể hư hoại, ta vứt bỏ, chẳng cần nó nữa, ta lại đổi lấy một thân thể khác, giống như mặc quần áo đã rách, hoặc là mặc bẩn rồi, thay ra, đổi lấy một bộ quần áo khác. Cách nhìn ấy là chính xác. Coi thân thể này là ta, tức là quý vị đã nhìn trật rồi. Đó là sai lầm thứ nhất, sai lầm này sẽ dẫn khởi rất nhiều sai lầm khác. Vì thế, đầu tiên là phải sửa đổi quan niệm sai lầm này, thân chẳng phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Có những kẻ nói linh hồn là Ngã, thân tuy đã chết, linh hồn chẳng diệt, nó lại đi đầu thai, lại tìm một thân thể khác. Không sai! Có thể nói theo cách ấy, nhưng đức Phật dạy chúng ta, linh hồn vẫn chưa phải là Ngã. Vậy Ngã là gì? Đức Phật nói linh tánh là Ngã, [linh tánh còn gọi là] tự tánh, tự tánh là Ngã, bất sanh, bất diệt. Linh hồn là như thế nào? Đã mê rồi, mê mất tự tánh thì linh tánh gọi là linh hồn, linh hồn giác ngộ là linh tánh. Thế nhưng linh hồn đang mê, do mê nên không thoát khỏi lục đạo luân hồi, không gian hoạt động của nó là trong lục đạo, chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo. Nếu nó giác ngộ, chẳng cần giác ngộ rất lớn, [chỉ cần] biết thân này không phải là Ngã, như vậy là dễ dàng

rồi, nó có thể từ từ giác ngộ, nhận biết linh tánh mới là Chân Ngã. Đức Phật giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về linh tánh. Kiến giải [chấp trước thân thể là Ngã] là sai lầm, nó là cái đầu tiên.

- Thứ hai là Biên Kiến. Nay chúng ta gọi Biên Kiến là “đổi lập”, [Biên Kiến là] chấp trước có hai bên. Tôi và quý vị đổi lập, tôi cùng kẻ khác đổi lập. Đổi lập với người, đổi lập với sự, đổi lập với hết thảy vạn vật, sai mất rồi! Đổi lập sanh ra phiền não, nầy sanh mâu thuẫn và xung đột. Nầy sanh đấu tranh cũng là do đổi lập mà ra. Hóa giải xung đột bắt đầu từ đâu? Hóa giải đổi lập thì tự nhiên chẳng còn xung đột. Mấy năm trước, tôi tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề là “hóa giải xung đột”, dùng phương pháp gì? Phật pháp nói “hóa giải đổi lập”, phải thực hiện từ chỗ này, giải quyết từ căn bản. Đổi lập là sai lầm, vì sao sai lầm? Vũ trụ, vạn pháp và chính mình là một Thể, làm sao có thể đổi lập cho được? Một Thể, mắt, mũi, tai là một Thể. Mắt và mũi có cần đổi lập hay không? Mũi và tai có cần đổi lập hay không? Chẳng phải là sẽ biến thành nông nổi ấy hay sao? Sai rồi! Do đã mê nên mới làm chuyện ngốc nghếch ấy, chứ đã giác ngộ, làm sao đổi lập cho được?

- Một sai lầm to lớn nữa là Thành Kiến, người Trung Quốc thường nói “người nào đó thành kiến rất sâu”, nay chúng ta gọi [thành kiến] là “quan niệm chủ quan”, đừng nên có! Thành kiến có hai loại, có thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Trong Phật pháp, chúng được gọi là Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều trật, đều sai lầm, hãy đều nên buông xuống hết.

- Loại cuối Tà Kiến, [tức là những kiến giải, chấp trước] chẳng thể gộp trong bốn loại [kiến giải] trước thì đều gộp vào Tà Kiến. Những thứ ấy thấy đều buông xuống, quý vị bèn chứng đắc Sơ Quả của Tiểu Thừa, hoặc Sơ Tín vị Bồ Tát trong Đại Thừa, điều kiện là như vậy. Chúng ta có thể buông những thứ ấy xuống thì sẽ là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín theo kinh Hoa Nghiêm, hay là Sơ Quả Tiểu Thừa.

Đối với Nhị Tín, chúng ta dùng Tiểu Thừa để nói: Nhị Tín là Sơ Quả tiến đến Nhị Quả Hướng, Tam Tín chứng Nhị Quả, Tứ Tín là Tam Quả Hướng, Ngũ Tín chứng đắc Tam Quả, Lục Tín là Tứ Quả Hướng, Thất Tín gọi là A La Hán, tức Tứ Quả của Tiểu Thừa, Bát Tín là Bích Chi Phật, Cửu Tín là Bồ Tát, Thập Tín là Phật. Bốn tầng cấp từ A La Hán đến Phật là bốn thánh pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo luân hồi. Tứ Quả đã vượt thoát lục đạo luân hồi, tức là địa vị Thất Tín đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Từ Sơ Tín cho đến Lục Tín chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng các vị ấy đã giác ngộ, chẳng còn mê hoặc. Tuy ở trong lục đạo, chỗ họ tu hành là nhân gian hoặc cõi trời, tuyệt đối chẳng đọa trong tam ác đạo, nên gọi là Vị Bất Thoái, bảo đảm không đọa trong tam ác đạo. Bảy lần qua lại trong cõi trời hay nhân gian. Theo kinh Hoa Nghiêm, chúng đắc địa vị Thất Tín bèn vượt thoát lục đạo luân hồi. Do vậy, quý vị biết Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, Thập Tín viên mãn Sơ Trụ, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới sẽ ở nơi đâu? Đạt đến cõi Thập Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, Nhất Chân pháp giới, là Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ Bồ Tát đã thành Phật, Ngài đến thế gian này giáo hóa chúng sanh, nên dùng thân Phật để đặc độ bèn thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Chư vị nhất định phải biết: Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại Ấn Độ là thị hiện tám tướng thành đạo, thấp nhất là địa vị gì? “Thập Tín tâm mãn”, là địa vị ấy, là

một vị Phật như vậy, Ngài có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Kinh Chiêm Sát dạy đó là loại thứ nhất, “*tín mãn*” (đã viên mãn địa vị Thập Tín, chứng Sơ Trụ). Thập Tín đã viên mãn bèn làm Phật, có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy*”, đắc đại tự tại!

Loại thứ hai, “*nư Đại Tập kinh trung*” (như trong kinh Đại Tập) đã nói, “*Quán Đánh Trụ Bồ Tát*”, Quán Đánh Trụ là Thập Trụ mãn vị (đã viên mãn địa vị Thập Trụ, tiến nhập Sơ Hạnh), “*năng u vô Phật thế giới thị hiện bát tướng. Chiêm Sát Kinh đệ nhị, giải mãn tác Phật đương chi*” (có thể thị hiện tám tướng trong thế giới không có Phật, loại thứ hai trong kinh Chiêm Sát là giải mãn sẽ làm Phật). Cũng có nghĩa là năm địa vị Bồ Tát, tức tín mãn, trụ mãn, hành mãn (địa vị Thập Hạnh), Thập Hồi Hương mãn (viên mãn), Thập Địa mãn đều thị hiện [tám tướng thành Phật]. Nếu chưa mãn thì sao? Chưa mãn Thập Tín, sẽ chẳng được! Chưa mãn Thập Tín, chắc chắn chẳng thể khởi tác dụng này. Như trong Thập Trụ, Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, Nhị Trụ đương nhiên không có vấn đề, [địa vị] càng lên cao càng không có vấn đề. Do vậy, bốn mươi một địa vị [Pháp Thân đại sĩ] đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chúng ta đọc đoạn văn này, quý vị bèn hiểu, nên chẳng cần phải nói chi tiết, “*giải mãn làm Phật*”.

Thứ ba là “*Nhân Vương kinh Bồ Tát Giáo Hóa phẩm minh Sơ Địa bát tướng*” (phẩm Bồ Tát Giáo Hóa của kinh Nhân Vương nói đến tám tướng của Sơ Địa), Sơ Địa ấy thuộc về Biệt Giáo. “*Chiêm Sát kinh đệ tam, viên mãn tác Phật*” (kinh Chiêm Sát, loại thứ ba là viên mãn làm Phật). Quý vị thấy tín, giải, hành, chứng.

Thứ tư, “*Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh minh Cứu Cánh Địa*” (kinh Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị nói Cứu Cánh Địa), Cứu Cánh Địa là Nhất Sanh Bồ Xứ, “*bát tướng thị hiện. Chiêm Sát kinh đệ tứ, nhất thiết công đức hành mãn thành Phật đương chi*” (thị hiện tám tướng. Loại thứ tư trong kinh Chiêm Sát là hành viên mãn hết thấy công đức sẽ thành Phật).

Thứ năm, “*Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị phẩm chư Phật niệm niệm xuất sanh trí, thử minh Phật Hậu Đắc Trí, xuất sanh bát tướng thị hiện dã. Thử ngũ trung, tiền tứ thị nhân trung thị hiện*” (phẩm Bất Tư Nghị của kinh Hoa Nghiêm nói đến chư Phật niệm niệm xuất sanh trí thì trí ấy là Hậu Đắc Trí của Phật, xuất sanh tám tướng thị hiện. Trong năm loại này, bốn loại đầu là thị hiện nơi nhân), loại thứ năm là quả, “*Phật hậu nghiệp dụng dã*” [nghĩa là sự thị hiện tám tướng thành đạo] chính là nghiệp dụng sau khi đã thành tựu địa vị Phật nơi Quả (Viên Giáo Phật), đức dụng của tự tánh vốn tự nhiên như thế. Ở đây, chúng ta nói đơn giản: Sơ Trụ thành Phật, Thập Tín mãn vị là Sơ Trụ, Sơ Hạnh, Sơ Hồi Hương, Sơ Địa [thành Phật] đều là nói theo nhân. Hạnh mãn, Hồi Hương mãn, Thập Địa Bồ Tát, loại thứ năm là Đẳng Giác thành Phật. Những loại trước đều thuộc về nhân, loại sau thuộc về quả. Giáo Hạ phân biệt và giảng giải như vậy, giúp cho hàng sơ học chúng ta dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Tư kinh sở minh, nhược y chư sư, đa thị đệ tứ (Bồ Xứ) tác Phật*” ([tám tướng thành đạo] được nói trong kinh này, nếu dựa theo [cách phán định] của các sư (những vị chú giải) thì phần nhiều là loại thứ tư (Bồ Xứ) làm Phật). Phải biết Bồ Xứ là loại thứ năm, loại thứ tư là Thập Địa Bồ Tát, nói cách nào cũng đều được! “*Nhược y kim tông*” (nếu dựa theo

tông này), chúng ta là Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Tông “*thử trung vô sở thuộc*” (chẳng thuộc vào loại này), Tịnh Độ Tông chẳng rắc rối như vậy, chẳng chia chẻ, chẳng chia ra vụn vặt như thế. Vì sao? “*Di Di Đà xảo phương tiện hồi hướng sở tác cố*” (Do dùng phương tiện thiện xảo của Di Đà để hồi hướng mà làm), phương tiện thiện xảo của A Di Đà Phật, “*nhân quả cộng bất khả tư nghị*” (nhân lẫn quả đều chẳng thể nghĩ bàn). Nếu phải giống như các vị tổ sư đại đức đã nói thì đối với chuyện thành Phật, người tu Tịnh Tông chúng ta tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu hành đến trình độ nào mới có thể giống như những vị Pháp Thân Bồ Tát, “chúng sanh có cảm, chúng ta bèn ứng, chúng ta cũng tới [chỗ các chúng sanh ấy] thị hiện tám tướng thành Phật”, trình độ gì vậy? Trong thế giới Cực Lạc chẳng có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng, chẳng có những địa vị ấy, chỉ có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Như vậy thì nói theo cách nào? Thật ra, nếu chúng ta đọc nguyện thứ hai mươi của A Di Đà Phật sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói như thế nào? Ngài nói mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù là người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là từ bậc Sơ Trụ trong kinh Hoa Nghiêm trở lên. Nói như vậy, [do người trong cõi Cực Lạc] được bốn nguyện và oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, thần thông, đạo lực, trí huệ và đức tướng của quý vị chẳng khác Pháp Thân Bồ Tát cho mấy, là A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Nói cách khác, quý vị tới thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật, sẽ có năng lực quay lại thế giới Sa Bà để thị hiện tám tướng thành đạo, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng cần phân chia phiền phức, chia thế này, chia thế nọ, như trong Giáo Hạ, đó là gì? Ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì cho nên nhân và quả đều chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhược cường luận chi*” [tức là] nói miễn cưỡng, “*hoặc ung tại đệ ngũ (Phật hậu) trung yên*” (có lẽ nên thuộc vào loại thứ năm (Phật hậu) vậy). “*Do thượng khả kiến, thị hiện bát tướng thành đạo chi nhân, giai vị hữu ngũ*” (do những điều trên đây, có thể thấy là người thị hiện tám tướng thành đạo có năm địa vị), năm thứ địa vị ấy đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, có thể nói là mỗi người trong ba bậc, chín phẩm thuộc bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thể thị hiện như vậy. “*Nhất ban chỉ tri Bồ Xứ thành Phật sở hiện, Chân Giải tắc thiên trọng vi Phật hậu. Chư thuyết bất phương tịnh tôn, ngũ vị bất phương tề hữu, cái thập phương lai hội chi Bồ Tát vô lượng vô biên, kỳ giai vị ư bình đẳng trung diệc bất ngại ư sai biệt*” (thông thường, người ta chỉ biết bậc Bồ Xứ thành Phật thị hiện [tám tướng thành đạo], sách Chân Giải thiên trọng địa vị Phật hậu. Chấp nhận các thuyết đều chẳng trở ngại gì, năm địa vị cùng tồn tại đều chẳng trở ngại gì; bởi lẽ, các vị Bồ Tát từ mười phương đến dự hội vô lượng vô biên, trong sự bình đẳng mà có các địa vị sai biệt thì cũng chẳng trở ngại gì). Trong pháp Đại Thừa, trong bình đẳng có sai biệt, trong sai biệt có bình đẳng, sai biệt và bình đẳng bất nhị, bình đẳng là chân thật, sai biệt là phương tiện thiện xảo. Bình đẳng là Thật Đức, sai biệt là Quyền Đức, giúp đỡ chúng sanh.

Trong đoạn tiếp theo, lại giải thích tám tướng thành đạo, chuyên nói về Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: “*Chỉ Bốn Sư Thích Ca dữ nhất thiết chư Phật thị hiện thành đạo chi thông đồ*” (nói về đường lối chung thị hiện thành đạo của đức Bốn Sư và hết thầy chư Phật), nên dùng thân Phật để đắc độ, nhất định tuân theo phương thức này, rất ít có ngoại lệ, cho nên gọi là “*thông đồ*” (đường lối chung), đều là thị hiện như vậy. “*Đản chư kinh luận nhân khai hợp bất đồng, sở thuyết diệc dị, hoặc thuyết thất tướng, nãi chí cửu tướng,*

*thập tướng*” (nhưng các kinh luận do tách ra hay gộp lại khác nhau nên cũng nói khác nhau, hoặc nói là bảy tướng, cho đến chín tướng, mười tướng), đây là những cách nói khác nhau, nhưng tám tướng được nói nhiều nhất. “*Nãi tòng kinh luận chi đa số dã*” (là [thuyết được nói] nhiều nhất trong các kinh luận), nay nói tới tám tướng thì “*tái giả, bát tướng chi trung, nội dung diệc bất tận đồng*” (lại nữa, trong tám tướng thì nội dung cũng chẳng hoàn toàn giống hệt nhau). Kế đó, nêu ra một thí dụ. “*Đại Thừa Khởi Tín Luận vị bát tướng vi*” (Đại Thừa Khởi Tín Luận nói tám tướng là), [tức là] theo như Khởi Tín Luận đã nói, “*nhất tòng Đâu Suất thiên hạ, nhị nhập thai, tam trụ thai, tứ xuất thai, ngũ xuất gia, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn*” (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là vào thai, ba là ở trong thai, bốn là ra khỏi thai, năm là xuất gia, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn), Khởi Tín Luận nói như thế. Nhưng sách Tứ Giáo Nghi lại nói khác biệt, Tứ Giáo Nghi<sup>3</sup> giảng: “*Nhất tòng Đâu Suất thiên hạ, nhị thác thai, tam xuất sanh, tứ xuất gia, ngũ hàng ma, lục thành đạo, thất chuyển pháp luân, bát nhập Niết Bàn*” (một là từ trời Đâu Suất giáng hạ, hai là nương gá trong thai, ba là xuất sanh, bốn là xuất gia, năm là hàng ma, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập Niết Bàn). “*Lưỡng tương đối chiếu, tiên tri Tứ Giáo Nghi thị khai Khởi Tín Luận chi thành đạo vi hàng ma dữ thành đạo*” (đối chiếu hai thuyết, liền biết Tứ Giáo Nghi đã tách “thành đạo” của Khởi Tín Luận thành hàng ma và thành đạo), [Khởi Tín Luận] gộp hàng ma và thành đạo trong “thành đạo”. “*Hợp Khởi Tín Luận chi nhập thai dữ trụ thai u thác thai, khả kiến lưỡng giả chỉ thị khai hợp bất đồng, nội dung vô biệt*” (gộp nhập thai và trụ thai của Khởi Tín Luận thành “thác thai”. Có thể thấy hai thuyết chỉ là tách ra hay gộp vào khác nhau, chứ nội dung chẳng khác nhau). Đây là [nhận định về] chỗ nói khác nhau giữa các kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới cội Bồ Đề. Chuyển pháp luân là giáo học bốn mươi chín năm; nhập Bát Niết Bàn, đức Phật lìa khỏi thế gian, lúc ấy lão nhân gia bảy mươi chín tuổi. Bảy mươi chín tuổi bèn qua đời.

Chúng ta xem tiếp: “*Gia Tường Sớ y Tứ Giáo Nghi phán Ngụy dịch chi bát tướng*” (Gia Tường Sớ dựa theo Tứ Giáo Nghi để phán định tám tướng trong bản Ngụy dịch), đây là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, trong ấy nói đến tám tướng, “*thậm hợp u thử hội tập bản, cố nhưng y chi*” (rất hợp với bản hội tập này nên vẫn tuân theo). Hoàng lão cư sĩ chú giải bộ kinh này đã tham khảo phần giảng về tám tướng thành đạo trong Gia Tường Sớ. “*Kinh trung xả Đâu Suất thị đệ nhất tướng*” (“bỏ Đâu Suất” trong kinh là tướng thứ nhất). Bồ Tát tu hành trên trời Đâu Suất, hết tuổi thọ, thọ mạng trên trời Đâu Suất là bốn ngàn năm, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Một năm [trên trời Đâu Suất] cũng là ba trăm sáu mươi ngày [vậy thì] bốn ngàn tuổi ứng với năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên thế gian này. Hiện thời, Di Lặc Bồ Tát đang ở nơi đó. Đâu Suất nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát. Đâu Suất Thiên có nội viện và ngoại viện, ngoại viện là nơi phạm phu ở, tức chư thiên cõi trời Đâu Suất, nội viện là đạo tràng tu

---

3 Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Thiên Thai Tứ Giáo Nghi, còn gọi là Đế Quán Lục, do pháp sư Đế Quán xứ Cao Ly biên soạn. Do nhận lời thỉnh của Ngô Việt Vương, ngài Đế Quán xin theo học Giáo Quán với ngài Nghĩa Tịch ở Loa Khê. Mười năm sau Sư viên tịch, đồng môn tìm thấy trong tráp của Ngài bản sách này. Nội dung sách rất rộng, giảng về giáo nghĩa đại cương của tông Thiên Thai, yếu lược phép quán tâm, Pháp Hoa ngũ vị, kèm thêm một số giáo nghĩa của tông Hoa Nghiêm.

hành của các vị Bồ Tát. Cõi trời ấy là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phạm phu chẳng thấy Bồ Tát, Bồ Tát cũng chẳng quý nhiều các phạm phu. Đương nhiên, đôi khi gặp kẻ hữu duyên, Phật, Bồ Tát cũng có phương tiện thiện xảo dạy bảo họ.

Giống như trên địa cầu của chúng ta, địa cầu cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng có rất nhiều vị Bồ Tát và La Hán tu hành trên thế gian này, nhưng phạm phu chúng ta chẳng nhận biết, chẳng gặp gỡ. Đôi khi gặp người hữu duyên, các Ngài cũng thị hiện cho những người ấy được thấy. Như trong quá khứ, vào đời Đường, thiền sư Pháp Chiếu triều bái Ngũ Đài Sơn, thấy đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát là Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư trông thấy, vô cùng hoan hỷ, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh. Sau khi nghe xong, hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: “Nay thế gian này đang dần dần bước vào thời Mạt Pháp, căn tánh con người chậm lụt, tu pháp môn gì có thể thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Sư pháp môn Niệm Phật. Lại còn niệm vài câu Phật hiệu cho Sư nghe, Sư ghi lại, đó là Ngũ Hội Niệm Phật do Sư lưu truyền; nhưng Ngũ Hội Niệm Phật đúng là đã thất truyền. Trong thời Dân Quốc, có các pháp sư nghĩ đến Ngũ Hội, cũng biên soạn một bản Ngũ Hội Niệm Phật, nhưng bản ấy tuyệt đối chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy, mà do chính các pháp sư ấy nghĩ ra. Vì tôi nghe họ niệm Phật giống như ca hát, tiếp dẫn kẻ sơ cơ quả thật rất tốt, nhưng tu hành mà niệm theo cách ấy sẽ chẳng thể nhiếp tâm, nên tôi nghĩ chắc chắn chẳng phải do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy. Khi Sư rời Trúc Lâm Tự, đã đánh dấu ven đường để lần sau quay lại chẳng bị lạc đường. Ghi được hai ký hiệu, quay đầu nhìn lại, chùa miếu chẳng thấy nữa, chẳng có gì nữa! Đó là đạo tràng của Bồ Tát, chẳng phải là kẻ thật sự có duyên sẽ chẳng thấy. Thiền sư Pháp Chiếu học Thiền, sau khi gặp Bồ Tát bèn đổi sang tu Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép tiểu sử của Sư rất rõ ràng. Văn Thù Bồ Tát thật sự trụ tại Ngũ Đài Sơn, nhưng trong chùa miếu tại Ngũ Đài Sơn chẳng có Ngài, chúng ta chẳng thấy được ngôi chùa của Ngài, đó là đạo tràng của Ngài. Như trong Phật môn thường cầu siêu hay cầu sám hối bằng Tỳ Bà Tam Muội Thủy Sám, đó là chuyện của quốc sư Ngô Đạt, Ngài cũng là người đời Đường. Tại Tứ Xuyên, Ngài thấy tôn giả Ca Nặc Ca là A La Hán. Đó là do có nhân duyên đặc biệt nên trông thấy. Sư mắc bệnh nặng, phát sanh mụn ghẻ mặt người, tôn giả Ca Nặc Ca điều giải cho Sư, oán thân trái chủ rời khỏi, nên lành bệnh. Sau khi rời khỏi, lúc quay đầu nhìn lại, đạo tràng chẳng còn nữa, một giải núi hoang! [Những chuyện như vậy] chứng tỏ thế giới này cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, hết thọ mạng, duyên trong thế gian này đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, đó là tướng thứ nhất. Đến đâu thai nơi đâu? Nhất định là trong vương cung. Bồ Tát chẳng mê, sẽ có thể chọn nơi tốt nhất để sanh ra, nhất định xuất sanh trong vương tộc, mang thân phận Thái Tử. Vì sao? Trong tương lai, xuất gia tu hành, người ta mới chịu tin tưởng. Thật vậy, quý vị thấy [chính Ngài] có thể bỏ được ngôi vua, phú quý. Ngài dạy người khác buông xuống, trước hết [chính Ngài] phải buông xuống thì mới được. Người khác tranh giành hòng làm quốc vương, Ngài đã đạt được mà buông xuống, dụng ý ấy rất sâu! Làm quốc vương cũng chẳng dễ dàng. Nếu chẳng phải là đã đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức từ mười đời trở lên, há có đại phước báo như vậy? Phải tu từ mười đời trở lên! Quý vị thấy làm quốc vương hưởng phước được mấy năm? Mười đời tu hành, hưởng mấy năm đã hết. Trong lịch sử Trung Quốc, hưởng phước dài nhất là hoàng đế Càn Long, chỉ có một người như thế, làm vua sáu mươi năm, còn làm Thái Thượng

Hoàng bốn năm, trong lịch sử Trung Quốc chẳng tìm được người thứ hai. Người ấy phải tu phước bao nhiêu năm? Chúng ta thường nói là phải tu phước bao một trăm đời, tu phước mà chẳng hưởng phước, tích lũy lại nên mới phước báo to ngàn ấy, chẳng phải là ngẫu nhiên, không phải ai cũng đều có thể làm được. Có những đế vương thời gian tại vị rất ngắn, chưa tới mười năm, rất nhiều, nhìn vào lịch sử Trung Quốc, quý vị thấy hai ba chục năm là rất khá rồi. Phước báo ấy do đời đời kiếp kiếp tu tập tích lũy lại. Người quý hiển, quan quyền, đại phú trưởng giả trong thế gian đều do đời đời kiếp kiếp tích công lũy đức mà đạt được, chẳng có ai là ngẫu nhiên. Nếu bảo là do gặp may mà đạt được thì sẽ là chuyện chẳng thể nào có, tìm không ra một ai! Do vậy, ở trong ấy có nghiệp nhân quả báo, các đồng học học Phật chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, minh bạch.

Ngài quyết định chẳng mê hoặc, chọn lựa cung vua để đầu thai. Trong câu “*giáng vương cung*” có tướng thứ hai và tướng thứ ba. Tướng thứ hai là thác thai, tướng thứ ba là xuất sanh. Ngài giáng sanh trong vương cung, câu này bao gồm hai tướng thác thai và xuất sanh. “*Khí vị xuất gia*” (bỏ ngôi xuất gia), nêu gương tốt cho người khác, kẻ khác mê man danh lợi, còn Ngài thứ gì cũng đều có, nhưng chẳng cần đến, buông bỏ. Nói rõ điều gì? Nói rõ xuất gia có ý nghĩa hơn làm quốc vương. Làm quốc vương thì tối đa đương nhiên là quốc vương thánh hiền, giáo hóa nhân dân toàn quốc, có giới hạn. Còn xuất gia sẽ giáo hóa hết thảy chúng sanh chẳng có giới hạn, quý vị giáo hóa chúng sanh vượt trội số lượng nhân dân trong một nước chẳng biết bao nhiêu lần! Làm quốc vương thì nhân dân trong một nước được quý vị dạy bảo, hưởng phước báo của quý vị. Hễ xuất gia thì chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới đều hưởng phước âm của quý vị, người bình phàm chẳng biết điều này. Thích Ca Mâu Ni Phật bỏ ngôi vua xuất gia lúc mười chín tuổi, vứt bỏ cuộc sống phú quý trong cung đình. “*Khổ hạnh học đạo*” là tướng thứ tư. Đều là nêu gương tốt cho người đời sau, chẳng phải là xuất sanh từ một gia đình bần cùng, mà từ gia đình phú quý, nhưng có thể tu khổ hạnh, thật sự có thể buông xuống.

“*Hàng phục ma oán*” là tướng thứ năm. Ma oán cũng là thị hiện, đã thành Phật rồi, lấy đâu ra ma, lấy đâu ra oán? Oán là oán thân trái chủ, Ma là các thứ thử thách, đều chẳng còn nữa; nhưng phải thị hiện như vậy, nhằm giáo hóa những bậc đại đức tu học: Nếu đi theo con đường thành Phật thì cũng chẳng dễ dàng như thế, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma oán là khảo nghiệm, phải chịu đựng được. Nhiều nổi vui dập để diệt hết các tập khí phiền não trong tâm quý vị thì quý vị mới có thể thành tựu, thuần tịnh, thuần thiện, lúc ấy mới có thể thành tựu. Do vậy, Bồ Tát phải tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là buông xuống tâm tham, keo kiệt, tham lam, dùng gì? Dùng bố thí để buông bỏ keo kiệt, tham lam. Dùng trì giới để buông ác nghiệp xuống, chẳng còn làm ác nữa. Dùng nhẫn nhục và tinh tấn để buông giải đãi xuống. Dùng Thiên Định để buông xuống tán loạn. Dùng trí huệ để buông xuống ngu si. Những thứ ấy đều là ma oán, thật sự có thể buông xuống.

Quý vị thấy tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, trong kinh Kim Cang chỉ nhắc tới bằng một câu, nhưng câu chuyện ấy được kể chi tiết trong kinh Đại Niết Bàn, tức câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân]. Khi Bồ Tát đang tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, vua Ca Lợi thí nghiệm, khảo đảo xem Bồ Tát có thể nhẫn hay không? Được rồi! Lãng trí xử tử, chẳng cho ông ta chết tử tế, mà xẻo từng mảnh thịt, xẻo đến chết mới thôi. Hỏi ông ta có thể nhẫn hay không? Có oán hận hay chẳng? Không oán hận, đến chết vẫn không oán hận, bảo vua Ca Lợi: “Trong tương lai ta thành Phật, người thứ nhất ta độ là nhà vua”.

Không oán hận, chỉ có cảm ân, cảm ân gì? Vượt qua lần khảo nghiệm ấy, đã tốt nghiệp, Nhẫn Nhục Ba La Mật đã thành công; vì thế, sớm thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vốn là vị sẽ thành Phật sau Di Lặc Bồ Tát, nhưng do công đức ngàn ấy, công đức thù thắng khôn sánh, vua Ca Lợi đã ban cho tiên nhân cơ hội này, Ngài có thể nhẫn chịu, tâm chẳng có mảy may oán hận, nên thành Phật trước. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, thị hiện thành Phật, chuyển pháp luân. Người đầu tiên chứng quả A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, vị này đời trước là vua Ca Lợi, Thích Ca Mâu Ni Phật là Nhẫn Nhục tiên nhân. Nói sao làm vậy, khi thành Phật đích xác độ ông ta đầu tiên. Chúng ta phải học tập điều này! Nếu đôi chút khó khăn, vất vả, thử thách mà chẳng chịu được, làm sao quý vị có thể thành Phật? Thứ gì quý vị cũng đều phải nhẫn nại chịu đựng thì mới có thể thành tựu.

“*Thành Tối Chánh Giác*”, đây là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đã thành Phật rồi, là tướng thứ sáu. Sau khi thành Phật, đạo đức của chính mình đã thành tựu, trí huệ thành tựu, học thuật thành tựu. Học thuật là chữ Học trong “*khổ hạnh học đạo*”, [học suốt] mười hai năm, từ mười chín tuổi đến ba mươi tuổi, thật sự học. Do vậy, đạo đức, học vấn, trí huệ, và đức năng đều thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu, bèn triển khai giáo học. “*Thỉnh chuyển pháp luân, thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*” (thỉnh chuyển pháp luân, thường dùng pháp âm để giác ngộ các thế gian). Khi đã thành Tối Chánh Giác, người thế gian chúng ta chẳng ai biết, không ai đến thỉnh Ngài. Ngài tự suy nghĩ, không ai thỉnh thì làm như thế nào? Nhập Bát Niết Bàn vậy! Ra đi, lia khỏi thế giới này. Nhân gian không có ai thỉnh Ngài, nhưng chư thiên trông thấy. Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Đệ Tứ Thiên, tức là thiên chúng Tịnh Cư Thiên trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tám tướng thành đạo, thành Phật ở nơi đây. Họ lập tức giáng hạ, thay mặt hết thảy chúng sanh thỉnh pháp, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật chuyển pháp luân, triển khai giáo hóa. Đức Phật nhận lời. Do nhận lời, đức Phật bèn đến Lộc Dã Uyển tìm năm người đồng bạn trước kia, họ là những người đã cùng tu hành với Ngài, giảng kinh, thuyết pháp cho họ. Ngài Kiều Trần Như khai ngộ, chứng quả A La Hán, đó là lần chuyển pháp luân đầu tiên tại Lộc Dã Uyển. Từ đó trở đi, suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, quả thật là “thân hành, ngôn giáo”, những điều Ngài đã dạy trong kinh đều làm được toàn bộ, cho nên mọi người tin tưởng Ngài. Nếu Ngài dạy kẻ khác làm, mà chính Ngài chẳng làm được, đó là giả, chẳng có ai tin tưởng! Bản thân Ngài làm được nên mọi người tin tưởng. “*Cập dĩ hạ chư cú*” (và các câu kệ đó) chính là tướng thứ bảy, Ngài giáo học cả đời. Trong đoạn văn kế tiếp, “*u thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*” (trong hạng trung hạ căn, thị hiện diệt độ) là tướng thứ tám. Trước hết, chỉ rõ tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian này, sau đó mới giới thiệu từng đoạn một.

Trước tiên, tiếp theo đây, chúng ta xem đoạn thứ nhất: “*Xả Đâu Suất, tức đệ nhất tướng từng Đâu Suất Thiên giáng sanh*” (bỏ Đâu Suất chính là tướng thứ nhất, từ trời Đâu Suất giáng sanh). Đâu Suất (Tusita) là tiếng Phạn, còn dịch là Đâu Thuật, hoặc Đồ Sử Đa, đều là cùng một chữ Phạn, nhưng do các nhà phiên dịch dùng danh từ [để phiên âm] khác nhau, nhưng đều là cùng một chuyện. “*Bốn thị nhất danh, dịch âm hữu dị*” (vốn là cùng một tên, dịch âm sai khác). Đâu Suất có nghĩa là “*Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, nữ Dục Giới trung đệ tứ thiên*” (Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc, chính là tầng trời thứ tư trong Dục Giới). Quý vị nhìn vào cõi trời này, từ chỗ này và qua danh hiệu, chúng ta sẽ biết đức hạnh của chư thiên nơi ấy: Tri Túc (biết đủ). Tri Túc là thành Phật. Quý vị muốn thành Phật, trước

tiên phải tri túc. Tu hành trong Tri Túc Thiên biểu thị ý nghĩa này. Làm sao thì mới có thể thật sự tri túc? Thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khi ấy, tâm quý vị như như bất động, trở về tự tánh vốn định, thật sự tri túc. Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”. Tâm chẳng còn động nữa bèn là tri túc. Tâm dao động sẽ chẳng tri túc, tâm Ngài chẳng còn động nữa, tự tánh vốn định. Định sanh Huệ, vô lượng trí huệ trong tự tánh tự nhiên hiện tiền, khi giao tiếp hết thấy chúng sanh, chúng sanh có câu hỏi bèn lập tức trả lời, chẳng cần phải suy nghĩ. Suy nghĩ là trật rồi, suy nghĩ là rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, đó là phàm phu. Bồ Tát thành Phật, chuyên tâm thức thành bốn trí, chẳng dùng A Lại Da. Chúng ta biết lục đạo dùng A Lại Da, tứ thánh cũng dùng A Lại Da, đó là mười pháp giới. Chuyển thức thành trí thì mười pháp giới chẳng còn nữa, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai. Chẳng thấy mười pháp giới nữa, làm sao người ấy có tư tưởng cho được? Tư tưởng đều chẳng còn nữa! Đối với Tư và Tưởng, quý vị hãy nhìn vào chữ Hán, chữ Hán là phù hiệu trí huệ, Tư là gì? Trong tâm có phân biệt là Tư. Quý vị xem nhé, phía trên chữ Tâm (心) có một chữ Điền (田), vạch giới hạn như vậy là Tư (思), đã có phân biệt. Tưởng (想) là gì? Tưởng là trong tâm quý vị vương mắc tướng, trong tâm có tướng gọi là Tưởng. Vương mắc tướng là chấp trước. Vì vậy, Tưởng là chấp trước, Tư là phân biệt. Phân biệt lần chấp trước thấy đều đoạn sạch, chỉ có tâm, thuần túy một cái tâm, trên ấy chẳng có gì cả, sạch lầu, đó là chân tâm. Vì thế, tổ tiên tạo ra những phù hiệu này khiến cho quý vị nhìn vào bèn hiểu ý nghĩa, phù hiệu trí huệ mà! Tri túc trọng yếu vì tri túc thì tư tưởng chẳng còn nữa, đó là chân tri túc. Không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước trên mặt sự tướng, mà ý niệm [phân biệt, chấp trước] cũng chẳng dấy lên, nên gọi là Diệu Túc. Diệu là diệu ở chỗ này, chẳng khởi tâm, không động niệm. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc đều chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là Diệu Túc.

“*Nội viện hiện vi Di Lạc đại sĩ chi Tịnh Độ, ngoại viện tắc vi thiên chúng dục lạc chi xứ*” (nội viện nay là Tịnh Độ của Di Lạc đại sĩ, ngoại viện là chỗ dục lạc của thiên chúng). Như vừa mới thưa bày với quý vị, Đâu Suất Thiên là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Chỗ thánh nhân cư trụ gọi là “*nội viện*”, tầng trời này thuộc về Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, [Đâu Suất Thiên] là tầng thứ tư. Người Hoa hễ nói tới thiên đạo, quá nửa là nói tới tầng thứ hai, tức Đạo Lợi Thiên (Trayastrimsā), người Hoa gọi Đạo Lợi Thiên Vương là Ngọc Hoàng Đại Đế được sùng bái trong Đạo Giáo, đó là tầng thứ hai. Lại lên cao hơn là Dạ Ma Thiên (Yāma), lên cao hơn nữa là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên cao hơn Đạo Lợi Thiên hai tầng. Ngoại viện là thiên chúng, phàm phu trụ ở đó. Vì những phàm phu ấy đều tri túc nên “*tri túc thường lạc*”. Chư thiên ở đó hết sức sung sướng, chẳng phải lo nghĩ, áo cơm tự nhiên, chính mình chẳng cần phải nhọc nhằn lo toan, phước báo rất lớn, đó là nơi họ hưởng thú vui trong cuộc sống. “*Phổ Diệu Kinh Thuyết Pháp Môn Phẩm vân: “Kỳ Đâu Thuật Thiên, hữu đại thiên cung, danh viết Cao Tràng, quảng trường nhị thiên ngũ bách lục thập lý, Bồ Tát thường tọa, vị chư thiên nhân phu diễn kinh điển”* (Phẩm Thuyết Pháp Môn của kinh Phổ Diệu<sup>4</sup> chép: “Cõi trời Đâu Thuật có đại thiên cung tên là Cao Tràng,

4 Phổ Diệu Kinh (Lalitavistara), còn có tên khác Phương Đăng Bản Khởi Kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia thứ hai (308) đời Tây Tấn, gồm tám quyển, chủ yếu giảng về lịch sử giảng sanh và chuyên pháp luận của Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

kích thước hai ngàn năm trăm sáu chục dặm, Bồ Tát thường ngồi [ở nơi ấy] giảng diễn kinh điển cho thiên chúng”). Đây là nói về nội viện, nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát. Ngài trụ nơi đó, giảng kinh giáo học tại đó. Thiên cung ấy có tên là Cao Tràng, Tràng (幢) có nghĩa là “cao hiển”, [tức là] hết sức rõ rệt, hết sức cao lớn. Kiến trúc ấy có phạm vi to chừng nào? Dài rộng hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có phạm vi to dường ấy. Chúng ta thấy là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chư thiên thân thể cao lớn, chư thiên phước báo to, mỗi tầng một cao hơn. Chư thiên Đâu Suất khá cao lớn, họ ở trong một cung điện to ngàn ấy, cũng chẳng khác gì chúng ta ở trong hoàng cung của nhân gian cho mấy. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đã đến thăm Bắc Kinh, đến viếng Cố Cung, tức là hoàng cung của ba triều đại Nguyên, Minh, Thanh, quý vị có thể thấy oai thế của đế vương. “Bồ Tát thường tọa”, “ngồi” nhằm biểu thị ý nghĩa Định. Người ngồi ở nơi ấy rõ ràng là rất ổn trọng. Đứng hay đi là đang hành động, ngồi xuống giống như nhập Định, ngồi biểu thị ý nghĩa này, biểu thị sự bất động. Tọa Thiền trong Phật môn cũng do ý nghĩa này, tọa Thiền chẳng phải là thân ngồi ở nơi đó bất động, thân [bất động] vô ích, phải bất động thứ gì? Tâm bất động. Mắt thấy cảnh giới bên ngoài vẫn như như bất động, mắt nhập định nơi Sắc Trần. Tai nghe âm thanh, trong khi nghe âm thanh chẳng động tâm, tai đã nhập Định trong Thanh Trần, mang ý nghĩa ấy. Thân đại diện cho sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đối diện với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, đều chẳng động tâm. Đó là “thường tọa”, thật sự tri túc. Động tâm sẽ chẳng tri túc, còn mong muốn, còn nghĩ tưởng. Chẳng động tâm: Sáu căn trong cảnh giới sáu trần chẳng động tâm, đó là “thường tọa”, vì các vị trời giảng diễn kinh giáo.

“Phật Địa Luận đệ ngũ” (Phật Địa Luận quyển thứ năm) có câu như sau: “Đồ Sư Đa Thiên” (cõi trời Đồ Sư Đa), tức là Đâu Suất Thiên, “hậu thân Bồ Tát u trung giáo hóa” (hậu thân Bồ Tát giáo hóa trong ấy), hậu thân là thân cuối cùng của Bồ Tát, tương lai sẽ thành Phật, chẳng phải là Bồ Tát [thông thường] mà là Đẳng Giác Bồ Tát, tức Bồ Xứ Bồ Tát, “hậu thân Bồ Tát tức Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát”. “Thử thế giới”, quá khứ, hiện tại, tương lai “tam thế chi Bồ Xứ đại sĩ, giai tùng thử thiên giáng sanh” (bậc đại sĩ Bồ Xứ trong ba đời đều từ cõi trời này giáng sanh). Phạm vi nào đến làm Phật [trong nhân gian], trước đó đều ở trong Đâu Suất Thiên, cũng giống như nói Ngài làm công tác chuẩn bị tại đó để rồi giáng sanh thị hiện thành Phật, tám tướng thành đạo. Đâu Suất Thiên mang ý nghĩa dạy chúng ta tri túc, đây là ý nghĩa chánh yếu nhất, con người chẳng thể không tri túc. Chúng ta cũng biết Di Lặc Bồ Tát tượng trưng điều gì? Tượng trưng sự tri túc. Do vậy, người Hoa tạc tượng Di Lặc Bồ Tát là tượng Bồ Đại hòa thượng, suốt ngày từ sáng đến tối cười toe toét, sung sướng dường ấy. Vì sao? Tri túc. Chẳng phải là Ngài hoàn toàn biểu hiện sự tri túc thường lạc (biết đủ sẽ thường vui sướng) u? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, bất luận gặp cảnh giới nào, nghịch cảnh cũng thế, mà thuận cảnh cũng vậy, thiện nhân cũng thế, mà ác nhân cũng vậy, luôn tươi cười, biểu lộ điều này. Chúng ta học Di Lặc Bồ Tát thì phải học tướng trạng ấy, thật sự học được sẽ đạt được sự thọ dụng to lớn. Thọ dụng to lớn gì vậy? Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, ngôn ngữ thường nói: “Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sảng” (người gặp chuyện vui, tinh thần sảng khoái). Nếu con người sảng khoái sẽ chẳng ngã bệnh, người chau mày nhăn mặt nhất định ngã bệnh. Nếu con người vui vẻ, sung sướng, làm sao ngã bệnh cho được? Vui vẻ, sung sướng do đâu mà có? Từ tri túc, biểu thị ý nghĩa này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.